

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16-10-2018

V/v: Ly hôn giữa chị Đ và anh L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Chung;

2. Ông Trương Thanh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 9 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Giáp Thị Đ, sinh năm 1990 “có mặt”

Nơi cư trú: Thôn S 1, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Trương Văn L, sinh năm 1988 “vắng mặt”

Nơi ĐKKHKT: Thôn S 1, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Giáp Thị Đ trình bày: Chị và anh Trương Văn L đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 6 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L thường xuyên chơi cờ bạc, không tu chí làm ăn nên vợ chồng thường hay cãi nhau. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhưng không thành. Chị và anh L đã sống ly thân, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là Trương Thị Ngọc Lan, sinh năm 2011 và Trương Thị Ngọc Hà, sinh năm 2013. Các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Cháu Lan và cháu Hà hiện đang ở với anh L. Nguyên vọng của chị xin được nuôi cháu Hà, giao cho anh L nuôi cháu Lan. Hiện nay chị làm việc ở Công ty may Việt – Hàn, lương 8 triệu đồng/tháng, Đ điều kiện để nuôi con. Chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: vợ chồng chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Trương Văn L có hộ khẩu thường trú tại thôn S 1, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang đã được Tòa án giao, tổng đạt các văn bản tố tụng thông qua ông Trương Văn Liệu, là bố đẻ anh L theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh L không có ý kiến, quan điểm và chứng cứ cung cấp, giao nộp cho Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Tại phiên tòa, anh L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, chị Đ chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, anh L vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 271, 272 và 273 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử cho ly hôn giữa chị Giáp Thị Đ và anh Trương Văn L.

Về nuôi con chung: Giao cho anh L nuôi con Trương Thị Ngọc Lan, chị Đ nuôi con Trương Thị Ngọc Hà. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào và có quyền thăm nom con chung.

Về tài sản và công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Anh L vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt anh L.

[2] *Về nội dung:* Chị Giáp Thị Đ và anh Trương Văn L đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, nên hôn nhân giữa chị Đ và anh L là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 4 năm, đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng chị Đ, anh L đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn,

không thể đoàn tụ được nên chỉ đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Anh L đã được thông báo và đã biết việc chị Đ khởi kiện xin ly hôn nhưng không có ý kiến gì. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa chị Đ và anh L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Đ được ly hôn anh L.

[3] *Về nuôi con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng chị Đ, anh L có 02 con chung là Trương Thị Ngọc Lan, sinh năm 2011 và Trương Thị Ngọc Hà, sinh năm 2013. Các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Chị Đ có nguyện vọng được nuôi cháu Hà và có Đ điều kiện để nuôi con. Cháu Lan hiện đang ở với anh L và có nguyện vọng tiếp tục được ở với anh L. Do vậy để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các cháu cần căn cứ Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình giao cho mỗi người nuôi một con là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Chị Đ, anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản và công nợ chung*: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Giáp Thị Đ và anh Trương Văn L

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Trương Thị Ngọc Hà cho chị Giáp Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Trương Thị Ngọc Lan cho anh Trương Văn L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ và anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

3. *Về án phí*: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003314 ngày 10/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã T, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Thu Thủy